

Số: 28 /2021/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 08 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân,
giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;

*Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng,
chống tham nhũng;*

*Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của
Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-TTCP ngày 22 tháng 3 năm 2021 của
Tổng Thanh tra Chính phủ quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp
công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;*

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 255/TTr-TTr ngày 15 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2021 và thay thế Quyết định số 557/2013/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2013 của UBND tỉnh ban hành quy định chế độ thông tin báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp luật - Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Thanh tra Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- Văn phòng ĐDBQH và HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, các phòng, TT;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ánh Dương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /2021/QĐ-UBND
ngày 08 /7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về các loại báo cáo, chế độ báo cáo, nội dung báo cáo, hình thức báo cáo, phương thức gửi báo cáo và trách nhiệm báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh (viết chung là các sở, ngành).
2. UBND các huyện, thành phố (viết chung là UBND cấp huyện); Ban Tiếp công dân tỉnh (thuộc Văn phòng UBND tỉnh); UBND các xã, phường, thị trấn (viết chung là UBND cấp xã).
3. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Báo Bắc Giang, Trường Chính trị tỉnh; Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, cấp tỉnh (viết chung là các cơ quan liên quan).
4. Các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh:
 - a) Các cơ quan Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân, Thi hành án dân sự (viết chung là các cơ quan Trung ương khối tư pháp);
 - b) Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, Cơ quan Thuế, Cơ quan Quản lý thị trường, Cơ quan Thống kê, Cơ quan Bảo hiểm xã hội (viết chung là các cơ quan Trung ương khác).

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Các loại báo cáo

1. Báo cáo định kỳ: báo cáo về kết quả công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định tại

khoản 1 Điều 3 Thông tư số 02/2021/TT-TTCP ngày 22/3/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; báo cáo về kết quả công tác phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng.

2. Báo cáo chuyên đề: báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 02/2021/TT-TTCP; báo cáo đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng hằng năm của UBND cấp huyện.

3. Báo cáo đột xuất: báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 02/2021/TT-TTCP.

Điều 4. Nội dung báo cáo

1. Báo cáo định kỳ:

a) Nội dung báo cáo của Quý I, 6 tháng, 9 tháng và hằng năm về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2021/TT-TTCP.

Nội dung báo cáo về kết quả công tác phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng: Theo phụ lục và các biểu số liệu 01/TP, 02/TP, 03/TP, 04/TP ban hành kèm theo Quy định này.

b) Nội dung báo cáo Quý II, Quý III và Quý IV: tổng hợp số liệu vào các biểu số liệu theo điểm a, khoản 1 Điều này và gửi kèm báo cáo 6 tháng, 9 tháng và hằng năm.

c) Ngoài những nội dung được quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này, các sở, ngành, cơ quan liên quan, cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã báo cáo bổ sung nội dung phát sinh về kết quả công tác thanh tra, tiếp công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

2. Báo cáo chuyên đề

a) Nội dung báo cáo chuyên đề theo từng lĩnh vực công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo phòng, chống tham nhũng và phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Trường hợp phải bổ sung nội dung báo cáo thì thực hiện theo văn bản yêu cầu, hướng dẫn cụ thể của cơ quan yêu cầu báo cáo.

b) Nội dung báo cáo chuyên đề về đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng hằng năm của UBND cấp huyện: thực hiện theo Quy định về Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng hằng năm đối với UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

3. Báo cáo đột xuất

a) Nội dung báo cáo được thực hiện theo đề cương và biểu mẫu cụ thể theo yêu cầu báo cáo;

b) Đối tượng báo cáo được quy định tại Điều 2 Quy định này chủ động báo cáo theo tính chất, thông tin vụ việc cụ thể.

Điều 5. Thời gian chốt số liệu, đối tượng thực hiện báo cáo, thời hạn gửi báo cáo và cơ quan nhận báo cáo

1. Thời gian chốt số liệu

a) Đối với báo cáo định kỳ: thời gian chốt số liệu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư 02/2021/TT-TTTP.

b) Đối với báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất: thời gian chốt số liệu được xác định trong văn bản yêu cầu báo cáo.

2. Đối tượng thực hiện báo cáo, thời hạn và cơ quan nhận báo cáo

a) Đối với báo cáo định kỳ: các sở, ngành, cơ quan liên quan, cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thực hiện gửi báo cáo theo thời hạn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư 02/2021/TT-TTTP.

Riêng các cơ quan Trung ương khối tư pháp: tổng hợp báo cáo kết quả công tác phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quy định này gửi UBND cùng cấp để tổng hợp vào báo cáo chung trên địa bàn và phục vụ công tác quản lý. Thời hạn gửi báo cáo: báo cáo của cơ quan tư pháp cấp huyện gửi chậm nhất ngày 17 của tháng cuối thuộc kỳ báo cáo; báo cáo của cơ quan tư pháp cấp tỉnh gửi chậm nhất ngày 18 của tháng cuối thuộc kỳ báo cáo;

Ban Tiếp công dân tỉnh (thuộc Văn phòng UBND tỉnh) gửi báo cáo về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh đến Thanh tra tỉnh chậm nhất ngày 18 của tháng cuối thuộc kỳ báo cáo.

b) Đối với báo cáo chuyên đề, đột xuất: đối tượng thực hiện báo cáo, thời hạn gửi báo cáo theo văn bản của cơ quan yêu cầu báo cáo.

c) Trường hợp thời hạn gửi báo cáo trùng với ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định thì báo cáo phải gửi vào ngày làm việc cuối cùng trước thời gian nghỉ; trường hợp thay đổi thời hạn báo cáo so với quy định trên (để phục vụ yêu cầu công tác quản lý) thì thời hạn báo cáo thực hiện theo văn bản yêu cầu báo cáo.

d) Cơ quan nhận báo cáo

Khi thực hiện chế độ báo cáo gửi UBND cấp huyện và UBND tỉnh, đồng thời gửi đến cơ quan Thanh tra cùng cấp để theo dõi, tổng hợp.

Điều 6. Hình thức báo cáo, phương thức gửi báo cáo

1. Báo cáo được thể hiện bằng văn bản điện tử có ký số.

2. Báo cáo được gửi tới các cơ quan nhận để tổng hợp theo các hình thức sau:

a) Gửi về UBND cấp huyện (qua Thanh tra huyện, thành phố): bản ký số và bản mềm đến địa chỉ hòm thư điện tử của Thanh tra huyện, thành phố.

b) Gửi về UBND tỉnh (qua Thanh tra tỉnh): bản ký số gửi đến *thanhtra_vt@bacgiang.gov.vn*; bản mềm gửi đến địa chỉ hòm thư điện tử: *thanhtra@bacgiang.gov.vn*.

c) Báo cáo bản mềm được định dạng file Word, phông chữ Times New Roman; các biểu số liệu được định dạng file Excel để thống nhất, đồng bộ trong quá trình tổng hợp.

Điều 7. Chế độ quản lý, sao chụp báo cáo

1. Việc quản lý và sử dụng báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định pháp luật về bảo vệ tài liệu lưu trữ nhà nước.

2. UBND tỉnh, UBND cấp huyện, Thanh tra tỉnh, Thanh tra các sở, ngành và huyện, thành phố sử dụng, xử lý các báo cáo gửi đến theo quy định về chế độ quản lý công văn, tài liệu. Việc sao chụp được thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan và người có thẩm quyền.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ngành, cơ quan liên quan, cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã: tổ chức triển khai thực hiện quy định về chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo Quy định này và các quy định khác của pháp luật.

2. Thanh tra tỉnh:

a) Giúp UBND tỉnh kiểm tra, đôn đốc thực hiện chế độ báo cáo trên địa bàn tỉnh theo Quy định này.

b) Hướng dẫn việc tổng hợp báo cáo; là đầu mối theo dõi, hướng dẫn sử dụng hệ thống phần mềm báo cáo của Thanh tra Chính phủ; theo dõi việc chấp hành chế độ báo cáo, tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh để xem xét, đánh giá trách nhiệm người đứng đầu hằng năm theo quy định.

c) Ban hành văn bản nhắc nhở; tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản phê bình người đứng đầu các sở, ngành và UBND cấp huyện khi có 02 kỳ liên tiếp vi phạm quy định về chế độ báo cáo; đồng thời duy trì mối quan hệ phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc cung cấp thông tin về công tác phòng, chống tham nhũng theo Quy định này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, cơ quan liên quan, cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã phản ánh về UBND tỉnh (qua Thanh tra tỉnh) để tổng hợp, xử lý theo quy định./.

PHỤ LỤC

(Dùng cho các cơ quan: Công an, Viện Kiểm sát Nhân dân, Tòa án Nhân dân,
Thi hành án dân sự).

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

**Kết quả công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án các vụ án tham
những quý ... (6 tháng, 9 tháng, năm)**
Nhiệm vụ, biện pháp tổ chức thực hiện kỳ tiếp theo⁽¹⁾

**I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐẤU TRANH, PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM LIÊN
QUAN ĐẾN THAM NHƯNG**

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện⁽²⁾

Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc đấu
tranh, phòng chống tội phạm liên quan đến tham nhũng

2. Kết quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm liên quan đến tham
những⁽³⁾

2.1. Đối với hoạt động điều tra của cơ quan Công an

a) Việc tiếp nhận và thanh tra giải quyết tố cáo có nội dung liên quan đến tham
những, tiêu cực

- Tổng số đơn tiếp nhận; số đơn đã thụ lý giải quyết; số đơn đã giải quyết xong;

- Kết quả giải quyết: Số đơn tố cáo đúng, số đơn tố cáo sai, số đơn tố cáo có
đúng, có sai; việc xử lý đơn, nội dung tố cáo đúng,...

b) Công tác tiếp nhận điều tra, xử lý tội phạm tham nhũng

- Khởi tố, điều tra: Số vụ việc/số bị can (Trong đó: tồn kỳ trước chuyển sang,
khởi tố mới trong kỳ)

- Kết quả điều tra: Số vụ việc đã kết thúc điều tra, đề nghị truy tố (Số vụ việc/số
bị can); Số vụ việc đình chỉ điều tra, chuyển đề nghị xử lý hành chính (Số vụ việc/số bị
can); Số vụ việc còn tồn chuyển kỳ sau (Số vụ việc/số bị can).

2.2. Đối với hoạt động kiểm sát của cơ quan Kiểm sát⁽⁴⁾

- Tổng số vụ án phải thụ lý: Số vụ việc/số bị can (Trong đó: tồn kỳ trước
chuyển sang, tiếp nhận mới trong kỳ)

- Kết quả xử lý: Số vụ việc đã truy tố (Số vụ việc/số bị can); Số vụ việc đình
chỉ, chuyển lại cơ quan điều tra (Số vụ việc/số bị can); Số vụ việc còn tồn chuyển kỳ
sau (Số vụ việc/số bị can).

2.3. Đối với hoạt động xét xử của cơ quan Tòa án⁽⁵⁾

¹ UBND cấp huyện phải báo cáo về tình hình, kết quả công tác phòng, chống tham nhũng trên toàn địa bàn, trong
đó nêu rõ tình hình, kết quả PCTN của cấp huyện, cấp xã

² Áp dụng đối với báo cáo 6 tháng, báo cáo năm

³ Chi tiết theo cấp tỉnh, cấp huyện

⁴ Chi tiết theo cấp tỉnh, cấp huyện; chi tiết theo từng hoạt động: tiếp nhận thông tin, tin báo tố giác tội phạm liên
quan đến tham nhũng; kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ việc tham nhũng,...

- Tổng số vụ án phải xét xử: Số vụ việc/số bị can (Trong đó: tồn kỳ trước chuyển sang, tiếp nhận mới trong kỳ)

- Số vụ án đã xét xử (Số vụ việc/số bị can), trong đó:

+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng (bị phạt tù đến 3 năm);

+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng (bị phạt tù từ trên 3 năm đến 7 năm);

+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng (bị phạt tù từ trên 7 năm đến 15 năm);

+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng (bị phạt tù từ trên 15 năm);

- Số vụ án còn tồn chuyên kỳ sau (Số vụ việc/số bị can)

3. Kết quả phát hiện và thu hồi tài sản tham nhũng⁽⁶⁾

- Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được phát hiện:

+ Bằng tiền mặt + ngoại tệ, tài sản quy ra tiền mặt (triệu đồng)

+ Bằng đất (m²)

- Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã thu hồi, bồi thường:

+ Bằng tiền mặt + ngoại tệ, tài sản quy ra tiền mặt (triệu đồng)

+ Bằng đất (m²)

- Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được:

+ Bằng tiền mặt + ngoại tệ, tài sản quy ra tiền mặt (triệu đồng)

+ Bằng đất (m²)

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH⁽⁷⁾

1. Đánh giá tình hình tham nhũng

a) Đánh giá tình hình tham nhũng trên địa bàn và nguyên nhân.

b) So sánh tình hình tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước.

2. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng thông qua hoạt động điều tra, truy tố, xét xử

a) Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng.

b) So sánh hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước.

c) Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng;

d) Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng.

- Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế tại địa phương, đơn vị trong công tác phòng, chống tham nhũng;

- Phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

3. Dự báo tình hình tham nhũng

a) Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...).

⁵ Chi tiết theo cấp tỉnh, cấp huyện

⁶ Áp dụng đối với báo cáo 6 tháng, báo cáo năm

⁷ Áp dụng đối với báo cáo 6 tháng, báo cáo năm

b) Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi tham nhũng dễ xảy ra nhiều, cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa và phát hiện, xử lý tham nhũng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ (HOẶC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM) CỦA CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG KỲ TIẾP THEO

Nêu những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công tác phòng, chống tham nhũng sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ báo cáo tiếp theo nhằm đạt được mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng đã đề ra.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng (nếu phát hiện có sơ hở, bất cập);
 - Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng (nếu có vướng mắc);
 - Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, khắc phục những khó khăn, vướng mắc;
 - Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất./.
-

CQ, ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Biểu số: 01/TP

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA TỘI PHẠM VỀ THAM NHŨNG

Số liệu tính từ ngày .../.../....đến....ngày.../.../....

(Kèm theo Báo cáo số.....ngàythángnămcủa)

(Dùng cho cơ quan Công an)

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU

TT	NỘI DUNG THÔNG TIN	ĐƠN VỊ TÍNH	TỘI DANH/ĐIỀU LUẬT CỦA BLHS						
			Tham ô tài sản (Điều 353)	Nhận hối lộ (Điều 354)	Lạm dụng chức vụ... chiếm đoạt (Điều 355)	Lợi dụng chức vụ trong khi thi hành... (Điều 356)	Lạm quyền trong khi thi hành... (Điều 357)	Lợi dụng CV, quyền hạn gây ảnh hưởng ... (Điều 358)	Giả mạo trong công tác (Điều 359)
I	KHỞI TỔ ĐIỀU TRA								
1	Kỳ trước chuyển sang	Vụ							
	Số bị can	Bị can							
2	Mới khởi tố	Vụ							
	Số bị can	Bị can							
II	PHÂN TÍCH BỊ CAN MỚI KHỞI TỔ								
1	Cán bộ, công chức, viên chức cấp xã	Người							
2	Cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện	Người							
3	Cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh	Người							
4	Cán bộ, công chức, viên chức cấp TW	Người							
5	Sỹ quan cấp tướng trong Công an nhân dân	Người							
6	Sỹ quan cấp tá trong Công an nhân dân	Người							

7	Sỹ quan cấp úy trong Công an nhân dân	Người							
8	Hạ sỹ quan, chiến sỹ trong CAND	Người							
9	Cán bộ lãnh đạo, quản lý trong DNNN, đại diện vốn góp của nhà nước	Người							
10	Đối tượng khác	Người							
III ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA									
1	Số vụ	Vụ							
2	Số bị can	Bị can							
IV CHUYỂN TRUY TỐ									
1	Số vụ	Vụ							
2	Số bị can	Bị can							
V TÀI SẢN BỊ THAM NHŨNG VÀ GÂY THIẾT HẠI DO THAM NHŨNG									
1	Nhà	m ²							
2	Đất	m ²							
3	Tiền và tài sản khác quy đổi thành tiền	Tr.đồng							
VI GIÁ TRỊ TÀI SẢN DO CƠ QUAN ĐIỀU TRA ĐÁNH GIÁ, TẠM GIỮ, PHONG TOÁ									
1	Nhà	m ²							
2	Đất	m ²							
3	Tiền và tài sản khác quy đổi thành tiền	Tr.đồng							
VII KẾT LUẬN VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU									
1	Số người đứng đầu đã bị kết luận thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người							
2	Số người đứng đầu bị khởi tố do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người							

II. DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHỮNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ

TT	TÊN VỤ	TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ XẢY RA VỤ VIỆC	CƠ QUAN ĐANG THỤ LÝ HỒ SƠ VỤ VIỆC	TÓM TẮT VỀ HÀNH VI, ĐỐI TƯỢNG THAM NHỮNG, MỨC ĐỘ THIẾT HẠI VÀ TIẾN ĐỘ XỬ LÝ
1.				
2.				
3.				
...				

CQ, ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Biểu số: 02/TP

KẾT QUẢ XỬ LÝ TỘI PHẠM VỀ THAM NHŨNG

Số liệu tính từ ngày .../.../....đến....ngày.../.../....

(Kèm theo Báo cáo số.....ngàythángnămcủa)

(Dùng cho cơ quan Kiểm sát)

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU

TT	NỘI DUNG THÔNG TIN	ĐƠN VỊ TÍNH	TỘI DANH/ĐIỀU LUẬT CỦA BLHS					
			Tham ô tài sản (Điều 353)	Nhận hối lộ (Điều 354)	Lạm dụng chức vụ... chiếm đoạt (Điều 355)	Lợi dụng chức vụ trong khi thi hành... (Điều 356)	Lạm quyền trong khi thi hành... (Điều 357)	Lợi dụng CV, quyền hạn gây ảnh hưởng ... (Điều 358)
I	KHÔI TÓ ĐIỀU TRA							
1.	Số vụ	Vụ						
	Số bị can	Bị can						
II	TRUY TỐ							
1.	Số vụ	Vụ						
	Số bị can	Bị can						
III	GIÁ TRỊ TÀI SẢN THAM NHŨNG, GÂY THIẾT HẠI DO THAM NHŨNG ĐÃ ĐƯỢC CƠ QUAN KIỂM SÁT ĐỀ NGHỊ THU HỒI, TẠM GIỮ, PHONG TỎA							
1.	Nhà	m ²						
2.	Đất	m ²						
3.	Tiền và tài sản khác quy đổi thành tiền	Triệu đồng						

II. DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHỮNG ĐƯỢC XỬ LÝ TRONG KỲ

TT	TÊN VỤ	TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ XẢY RA VỤ VIỆC	CƠ QUAN ĐANG THỤ LÝ HỒ SƠ VỤ VIỆC	TÓM TẮT VỀ HÀNH VI, ĐỐI TƯỢNG THAM NHỮNG, MỨC ĐỘ THIẾT HẠI VÀ TIẾN ĐỘ XỬ LÝ
1.				
2.				

Hướng dẫn cách ghi biểu: Nguyên tắc xác định tội danh của vụ án tham nhũng trong trường hợp vụ án có nhiều bị can và có bị can phạm nhiều tội khác nhau như sau: Thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất hoặc tội danh có mức hình phạt cao nhất của bị can đầu vụ. Trường hợp bị can đầu vụ phạm nhiều tội có cùng mức độ nghiêm trọng, cùng mức hình phạt thì thống kê theo tội danh nhỏ nhất theo thứ tự trong BLHS.

CQ, ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Biểu số: 03/TP

KẾT QUẢ XÉT XỬ TỘI PHẠM VỀ THAM NHŨNG

Số liệu tính từ ngày .../.../....đến....ngày.../.../....

(Kèm theo Báo cáo số.....ngàythángnămcủa)

(Dùng cho cơ quan Tòa án)

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU

TT	NỘI DUNG THÔNG TIN	ĐƠN VỊ TÍNH	TỘI DANH/ĐIỀU LUẬT					
			Tham ô tài sản (Điều 353)	Nhận hối lộ (Điều 354)	Lạm dụng chức vụ... chiếm đoạt (Điều 355)	Lợi dụng chức vụ trong khi thi hành... (Điều 356)	Lạm quyền trong khi thi hành... (Điều 357)	Lợi dụng CV, quyền hạn gây ảnh hưởng ... (Điều 358)
I ÁN PHẢI GIẢI QUYẾT								
1	Vụ cũ còn lại	Vụ						
	Số bị cáo	Bị cáo						
2	Vụ mới thụ lý	Vụ						
	Số bị cáo	Bị cáo						
II PHÂN TÍCH ÁN PHẢI GIẢI QUYẾT								
1	Chuyển hồ sơ	Vụ						
	Số bị cáo	Bị cáo						
2	Đình chỉ	Vụ						
	Số bị cáo	Bị cáo						
3	Trả hồ sơ cho VKS	Vụ						
	Số bị cáo	Bị cáo						
4	Đã xét xử	Vụ						

	Bị cáo	Bị cáo							
5	Số vụ án điểm hoặc xử lưu động	Vụ							
6	Số vụ án xử theo thủ tục rút gọn	Vụ							
7	Số vụ có người bào chữa, bảo vệ quyền, lợi ích cho đương sự	Vụ							
III ÁN CÒN LẠI									
1	Số vụ án còn lại	Vụ							
	Số bị cáo	Bị cáo							
2	Số vụ tạm đình chỉ	Vụ							
	Số bị cáo	Bị cáo							
3	Số vụ đề quá hạn	Vụ							
IV PHÂN TÍCH SỐ BỊ CÁO ĐÃ XÉT XỬ									
1	Không có tội	Người							
2	Miễn TNHS hoặc miễn hình phạt	Người							
3	Đưa vào trường giáo dưỡng hoặc giáo dục tại địa phương	Người							
4	Trục xuất	Bị cáo							
5	Cảnh cáo	Bị cáo							
6	Phạt tiền	Bị cáo							
7	Cải tạo không giam giữ	Bị cáo							
8	Cho hưởng án treo	Bị cáo							
9	Tù từ 3 năm trở xuống	Bị cáo							
10	Tù từ 3 năm đến dưới 7 năm	Bị cáo							
11	Tù từ 7 năm đến dưới 15 năm	Bị cáo							
12	Tù từ 15 năm đến 20 năm	Bị cáo							

13	Tù chung thân	Bị cáo							
14	Tử hình	Bị cáo							
15	Tổng hợp hình phạt từ trên 20 đến 30 năm	Bị cáo							
16	Cán bộ công chức	Người							
17	Đảng viên	Người							
18	Tái phạm, tái phạm nguy hiểm	Người							
19	Dân tộc thiểu số	Người							
20	Nữ	Người							
21	Người nước ngoài	Người							
V ÁP DỤNG HÌNH PHẠT BỔ SUNG									
1	Tịch thu tài sản	Bị cáo							
2	Phạt tiền	Bị cáo							
3	Trục xuất	Bị cáo							
4	Các hình phạt bổ sung khác	Bị cáo							
VI GIÁ TRỊ TÀI SẢN BỊ TUYÊN TỊCH THU HOẶC TRẢ LẠI CHỦ SỞ HỮU									
1	Nhà	m ²							
2	Đất	m ²							
3	Tiền và tài sản khác quy đổi thành tiền	Triệu đồng							
VII XÉT XỬ PHỨC THẠM									
1	Số vụ đã xét xử	Vụ							
	Số bị cáo	Bị cáo							
2	Số bị cáo bị tăng nặng hình phạt	Bị cáo							
3	Số bị cáo được giảm nhẹ hình phạt	Bị cáo							

II. DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHỮNG ĐƯỢC XÉT XỬ TRONG KỲ

TT	TÊN VỤ	TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ XẢY RA VỤ VIỆC	CƠ QUAN ĐANG THỤ LÝ HỒ SƠ VỤ VIỆC	TÓM TẮT VỀ HÀNH VI, ĐỐI TƯỢNG THAM NHỮNG, MỨC ĐỘ THIẾT HẠI VÀ TIÊN ĐỘ XỬ LÝ
1.				
2.				
...				

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Các mục từ I đến VI là xét xử sơ thẩm.

- Nguyên tắc xác định tội danh của vụ án tham nhũng trong trường hợp có nhiều bị cáo phạm các tội khác nhau về tham nhũng được xác định theo tội danh nghiêm trọng nhất của bị cáo đầu vụ. Trường hợp bị cáo đầu vụ phạm nhiều tội về tham nhũng và các tội này có cùng mức độ nghiêm trọng thì thống kê theo tội danh có số thứ tự nhỏ nhất trong Bộ luật Hình sự. Nếu vụ án có nhiều bị cáo, trong đó có bị cáo phạm tội về tham nhũng, có bị cáo phạm các tội khác không phải là tham nhũng thì chỉ thống kê các bị cáo phạm các tội về tham nhũng và việc xác định tội danh trong trường hợp này được áp dụng theo nguyên tắc nêu trên.

